

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2021
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Tấn Tiên.

2. Ông Vũ Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm: 1952; địa chỉ: Tổ 5, ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1956; địa chỉ: Tổ 1, ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2020, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau từ năm 2005, có tuyên bố cùng hai gia đình, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2015 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C quay về sống với vợ cũ. Từ năm 2015 cho đến nay bà và ông C không còn sống chung. Nhưng sáng nào ông C cũng đến nhà bà yêu cầu bà làm bữa ăn sáng, uống cà phê xong rồi lại về nhà vợ cũ. Lúc nào ông C cũng lấy quyền làm chồng để xúc phạm bà. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông C nên xin ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau từ năm 2005, có tuyên bố với gia đình hai bên, không đăng ký kết hôn. Ông và bà T sống rất hạnh phúc. Ông và bà T xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi cãi nhau bà T đuổi ông không cho ở cùng nhà nên ông phải về nhà riêng của ông để ở. Hàng ngày ông vẫn qua nhà lo cho bà T nhưng thực tế nhà ai người đó ở. Bà T xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 14, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T với ông C; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

- Kiến nghị khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T, ông C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt ông bà theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà T xác định tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2005 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C quay về sống cùng với vợ cũ. Hàng ngày ông C vẫn qua nhà bà lấy tư cách làm chồng để xúc phạm bà. Bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Ông

C cũng thống nhất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng lý do ông bà thường cãi vã nhau. Bà T không cho ông sống cùng nhà. Từ năm 2015 cho đến nay ông và bà T không còn sống chung nhà. Hàng ngày ông vẫn qua nhà bà T để lo cho bà T. Bà T xin ly hôn ông đồng ý ly hôn. Do ông bà sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các Điều 14, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ của ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Lệ T với ông Trần Văn C là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Lệ T được miễn án phí dân sự theo Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. Huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS. Huyện Dương Minh Châu;
- UBND. xã Bàu Nặng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng